BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PHÒNG THANH TRA - KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM QUÁ TRÌNH

MÔN HỌC: QUY HOẠCH ĐIỆN VÀ THÔNG TIN - LỚP HỌC PHẦN DT2406_14Q.2_LT.0_LT

Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
1	1451020002	Lê Xuân Thúy Anh	1/18/1996	2014Q2	9			
2	1451020005	Nguyễn Hoàng Anh	3/29/1995	2014Q2	8			
3	1451020008	Phạm Hữu Bách	2/10/1996	2014Q2	10			
4	1451020020	Đồng Hoàng Chính	2/23/1996	2014Q2	9			
5	1451020014	Nguyễn Viết Cường	5/7/1996	2014Q2	9			
6	1451020017	Phạm Huy Cường	2/27/1996	2014Q2	10			
7	1451020041	Nguyễn Bá Tất Đạt	9/21/1996	2014Q2	9			
8	1451020038	Phú Anh Đức	9/18/1996	2014Q2	8			
9	1451020026	Đỗ Thị Kim Dung	3/27/1996	2014Q2	7			
10	1451020032	Trần Văn Dũng	8/5/1996	2014Q2	9			
11	1451020023	Nguyễn Tùng Dương	11/1/1996	2014Q2	9			
12	1451020029	Nguyễn Thị Duyên	3/10/1996	2014Q2	8			
13	1451020053	Đặng Vũ Hiệp	11/28/1994	2014Q2	10			
14	1451020050	Đặng Văn Hiếu	5/25/1995	2014Q2	9			
15	1451020056	Trần Văn Hoàng	12/12/1996	2014Q2	10			
16	1451020065	Đinh Xuân Huấn	1/23/1996	2014Q2	10			
17	1451020059	Nguyễn Thị Mai Huệ	6/29/1995	2014Q2	9			
18	1451020068	Lưu Minh Hùng	7/27/1996	2014Q2	8			
19	1451020071	Trần Thanh Hùng	2/17/1996	2014Q2	8			
20	1451020044	Lê Thị Kim Hương	3/12/1996	2014Q2	9			
21	1451020062	Nguyễn Viết Huy	8/3/1995	2014Q2	9			
22	1451020074	Trần Duy Khánh	3/20/1996	2014Q2	8			
23	1451020077	Trần Thị Lan	3/28/1996	2014Q2	10			
24	1451020083	Nguyễn Thị Diệu Linh	9/5/1996	2014Q2	9			
25	1451020086	Tạ Thùy Linh	6/28/1996	2014Q2	8			
26	1451020080	Hà Văn Lượng	11/14/1996	2014Q2	7			
27	1451020092	Nguyễn Tiến Mạnh	4/1/1995	2014Q2	9			
28	1451020089	Nguyễn Thị Miền	12/5/1996	2014Q2	9			
29	1451020098	Đào Xuân Nghĩa	12/19/1996	2014Q2	8			
30	1451020101	Nguyễn Thị Ngọc	10/17/1996	2014Q2	9			
31	1451020104	Phạm Hồng Ngọc	12/25/1995	2014Q2	9			
32	1451020107	Lê Thị Hồng Nhung	11/23/1996	2014Q2	8			
33	1451020113	Nguyễn Huy Phương	5/8/1995	2014Q2	9			
34	1451020116	Ngô Thị Lan Phượng	5/15/1996	2014Q2	9			
35	1451020122	Trần Mạnh Quân	11/28/1996	2014Q2	9			
36	1451020125	Nguyễn Minh Quý	10/4/1996	2014Q2	8			
37	1451020128	Vũ Quang Sáng	11/5/1996	2014Q2	9			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
38	1551020083	Hoàng Văn Sinh	3/14/1995	2015Q3	0		Cấm Thi	
39	1451020134	Phùng Tiến Tài	7/30/1996	2014Q2	0		Cấm Thi	
40	1451020143	Ngô Minh Thắng	3/6/1995	2014Q2	9			
41	1451020137	Lưu Tuấn Thành	8/28/1995	2014Q2	9			
42	1451020140	Bùi Phương Thảo	4/25/1996	2014Q2	9			
43	1451020146	Nguyễn Văn Thế	7/6/1995	2014Q2	8			
44	1451020149	Dương Công Thuyết	1/2/1995	2014Q2	9			
45	1451020155	Nguyễn Minh Trí	12/29/1996	2014Q2	8			
46	1451020170	Nguyễn Quang Tú	7/25/1996	2014Q2	9			
47	1451020131	Trịnh Hồng Tư	10/24/1996	2014Q2	9			
48	1451020161	Lại Anh Tuấn	7/4/1996	2014Q2	9			
49	1451020164	Đỗ Anh Tuấn	6/8/1996	2014Q2	7			
50	1451020167	Nguyễn Văn Tùng	9/8/1995	2014Q2	9			
51	1451020158	Nguyễn Thị Tuyền	12/14/1996	2014Q2	9			
52	1451020173	Trần Thị Thanh Vân	4/30/1996	2014Q2	10			
53	1451020176	Lê Đình Thái Bảo Việt	10/7/1995	2014Q2	9			
54	1451020179	Nguyễn Thanh Vinh	10/12/1993	2014Q2	0		Cấm Thi	

Hà Nội,, Ngày 13 tháng 3 năm

CÁN BỘ CHẤM THI 2

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Xuân Hồng

DT2406_14Q2